

Quick Setup Guide
Guide de configuration rapide

QM85N QM98N

* The colour and the appearance may differ depending on the product, and the content in the manual is subject to change without prior notice to improve the performance.
* Download the user manual from the website for further details.
http://www.samsung.com/displaysolutions

* La couleur et l'aspect du produit peuvent varier en fonction du modèle, et le contenu dans le manuel peut être modifié sans préavis pour des raisons d'amélioration des performances.
* Téléchargez le manuel utilisateur du site Web pour obtenir plus de détails.



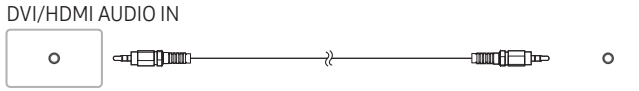
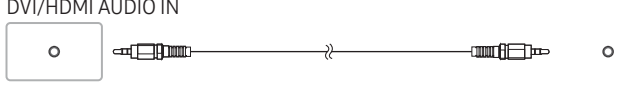
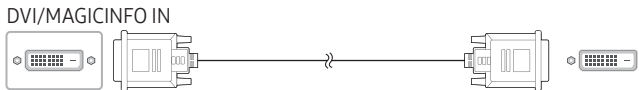
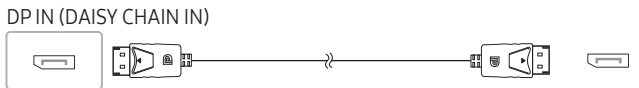
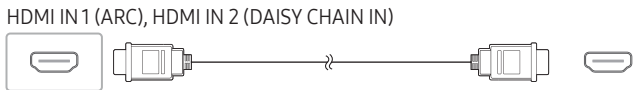
The terms HDMI and HDMI High-Definition Multimedia Interface, and the HDMI Logo are trademarks or registered trademarks of HDMI Licensing LLC in the United States and other countries.



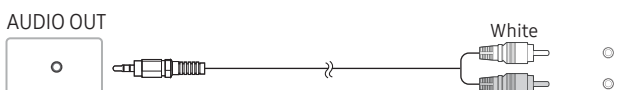
BN68-09316E-00

Connecting and Using a Source Device
Connexion et utilisation d'un périphérique source

Connecting to a PC
Connexion à un PC



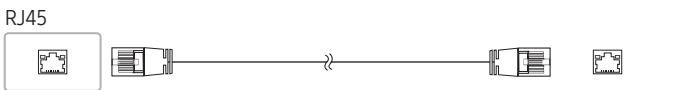
Connecting to an Audio System
Branchement à un système audio



Connecting to a Video Device
Connexion à un appareil vidéo



Connecting the LAN Cable
Connexion du câble LAN



English
Use Cat7(*STP Type) cable for the connection. (10/100 Mbps)
*Shielded Twist Pair

Tiếng Việt
Sử dụng cáp Cat 7(loại *STP) để kết nối. (10/100 Mbps)

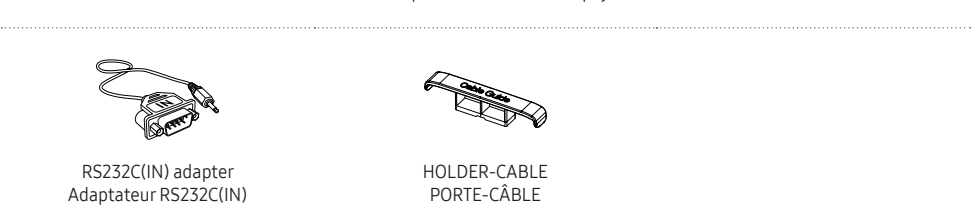
繁體中文
關於如何使用 MDC 程式的詳細資訊，請在安裝該程式後參見說明。

Franglais
Utilisez le câble Cat 7(type *STP) pour la connexion. (10/100 Mbit/s)

Português
Utilize um cabo Cat 7 (*tipo STP) para a ligação. (10/100 Mbps)

العربية
استخدم كبل Cat 7 (نوع STP) للتوصيل. (100/100 ميجابت/ثانية)

Checking the Components
Verification des composants



English
Contact the vendor where you purchased the product if any components are missing.
The pictures may look different from the actual components.

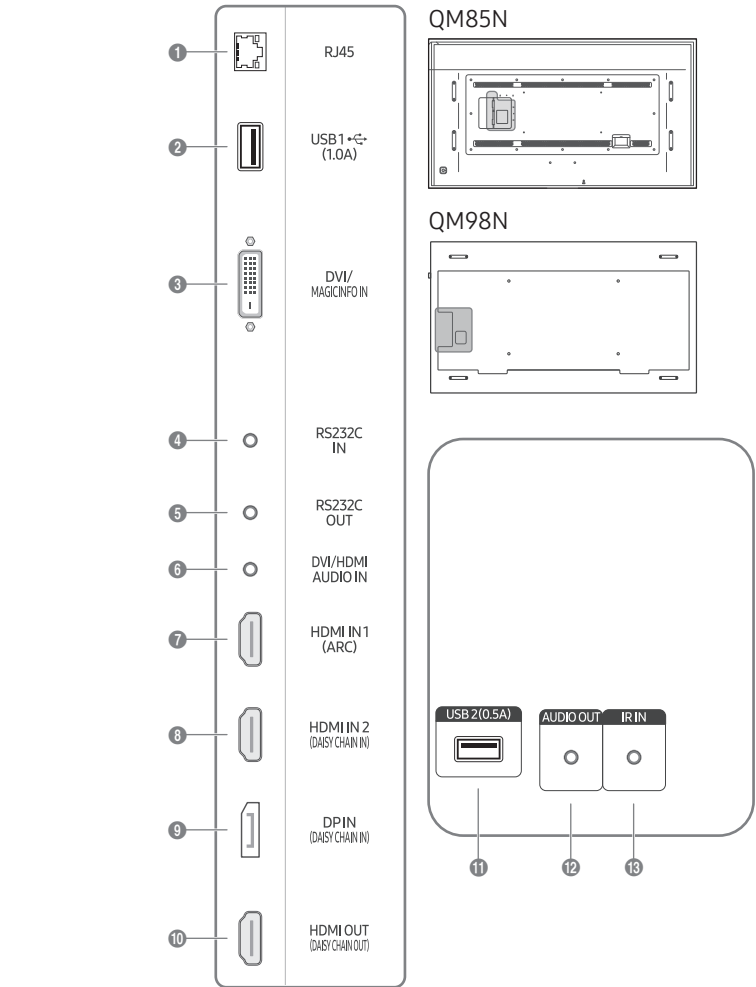
Tiếng Việt
Liên hệ với nhà cung cấp nơi bạn mua sản phẩm nếu có thành phần nào bị thiếu.
Ảnh có thể trông khác với các thành phần thực tế.

Franglais
S'il manque le moindre composant, contactez le revendeur auprès duquel vous avez acheté le produit.
Les représentations peuvent ne pas correspondre aux composants.

العربية
اتصل بالبايع الذي اشترت منه المنتج في حالة عدم وجود أي مكونات.
قد تبدو الصور مختلفة عن المكونات الفعلية.

Português
Contacte o vendedor onde adquiriu o produto caso haja componentes em falta.
As imagens podem ter um aspeto diferente dos componentes reais.

Ports
Ports



English
① Connects to MDC using a LAN cable. (10/100 Mbps)
② Connect to a USB memory device.
* The USB ports on the product accept a maximum constant current of 1.0A.
If the maximum value is exceeded, USB ports may not work.
③ DVI: Connects to a source device using a DVI cable or HDMI-DVI cable.
MAGICINFO IN: To use MagicInfo, make sure to connect the DP-DVI cable.
④ Connects to MDC using an RS232C adapter.
⑤ Connects to MDC using an RS232C adapter.
⑥ Receives sound from a source device via an audio cable.
⑦ Connects to a source device using a HDMI cable or HDMI-DVI cable.
⑧ Connects to a source device using a HDMI cable or HDMI-DVI cable.
Connects to another product using a HDMI cable.
⑨ Connects to a PC using a DP cable.
⑩ Connects to another product using a HDMI cable.
⑪ Connect to a USB memory device.
* The USB ports on the product accept a maximum constant current of 0.5A.
If the maximum value is exceeded, USB ports may not work.
⑫ Outputs sound to an audio device via an audio cable.
⑬ Connects to an external IR cable that receives signals from the remote control.

Franglais
① Permet de se connecter à MDC via un câble LAN. (10/100 Mbit/s)
② Permet de se connecter à un périphérique de mémoire USB.
* Les ports USB sur le produit acceptent un courant constant maximal de 1,0 A.
Si cette valeur maximale est dépassée, il est possible que les ports USB ne fonctionnent pas.
③ DVI: Connexion à un périphérique source à l'aide d'un câble DVI ou HDMI-DVI.
MAGICINFO IN: Pour utiliser MagicInfo, veuillez à brancher le câble DP-DVI.
④ Connexion au MDC grâce à un adaptateur RS232C.
⑤ Connexion au MDC grâce à un adaptateur RS232C.
⑥ Reçoit le son provenant d'un appareil source via un câble audio.
⑦ Connexion à un périphérique source à l'aide d'un câble HDMI ou HDMI-DVI.
⑧ Connexion à un périphérique source à l'aide d'un câble HDMI ou HDMI-DVI.
Permet de se connecter à un autre produit via un câble HDMI.
⑨ Permet de se connecter à un ordinateur via un câble DP.
⑩ Permet de se connecter à un autre produit via un câble HDMI.
⑪ Permet de se connecter à un périphérique de mémoire USB.
* Les ports USB sur le produit acceptent un courant constant maximal de 0,5 A.
Si cette valeur maximale est dépassée, il est possible que les ports USB ne fonctionnent pas.
⑫ Emet du son vers un appareil audio via un câble audio.
⑬ Permet la connexion à un câble IR externe qui reçoit les signaux de la télécommande.

Contact SAMSUNG WORLD WIDE
Comment contacter Samsung dans le monde

Web site: http://www.samsung.com	
Area	Customer Care Centre
ALGERIA	3004
ANGOLA	917 267 864
AUSTRALIA	1300 362 603
BAHRAIN	8000-GSAM (8000-4726)
BANGLADESH	09612300300 08000300300 (Toll free)
BURUNDI	200
CAMBODIA	+855-23-993232 1800-20-3232 (Toll free)
CAMEROON	67095-0077
COTE D'IVOIRE	8000-00-77
DRC	499999
EGYPT	08000-7267864 16580
GHANA	0800-100-077
HONG KONG	3698 4698
INDIA	1800 40 SAMSUNG (1800 40 7267864) (Toll-Free)
INDONESIA	021-5699-7777 0800-112-8888 (Toll Free)
IRAN	021-8255
IRAQ	80010080
ISRAEL	*6963

Area	Customer Care Centre
JORDAN	0800-22273 06 5777444
KENYA	0800 545 545
KUWAIT	183-CALL (183-2255)
LAOS	+856-214-17333
LEBANON	1299
MACAU	0800 333
MALAYSIA	1800-88-9999 +603-7713 7420 (Overseas contact)
MAURITIUS	800 2550
MOROCCO	080 100 22 55
MOZAMBIQUE	847267864
MYANMAR	+95-1-2399-888
NAMIBIA	08197267864
NEPAL	16600172667 (Toll Free for NTC Only) 9801572667
NEW ZEALAND	0800 726 786
NIGERIA	0800-726-7864
OMAN	800-SAM CS (800-72627)
PAKISTAN	0800-Samsung (72678)
PHILIPPINES	1-800-10-726-7864 [PLDT Toll Free] 1-800-8-726-7864 (Globe Landline and Mobile) 02- 422-2111 [Standard Landline]

Area	Customer Care Centre
QATAR	800-CALL (800-2255)
REUNION	0262 50 88 80
RWANDA	9999
SAUDI ARABIA	(+966) 8002474357 (800 24/7 HELP)
SENEGAL	800-00-0077
SINGAPORE	1800 7267864 1800-SAMSUNG
SOUTH AFRICA	0860 SAMSUNG (726 7864)
SRI LANKA	+9411SAMSUNG (+94117267864) +94117540540 +94115900000
SUDAN	1969
SYRIA	962 5777444
TAIWAN	0800-32-9999
TANZANIA	0800 780 089
THAILAND	0-2689-3232 (OTH products) 1800-29-3232 (Toll free)
TUNISIA	80 100 012
U.A.E	800-SAMSUNG (800 - 726 7864)
UGANDA	0800 300 300
VIETNAM	1800 588 889
ZAMBIA	3434
ZIMBABWE	0808 0204

Português
① Liga-se ao MDC através de um cabo LAN. (10/100 Mbps)
② Ligue a um dispositivo de memória USB.
* As portas USB do produto aceitam até 1,0 A de corrente contínua.
Se o valor máximo for excedido, as portas USB podem não funcionar.
③ DVI: Liga-se a um dispositivo de entrada utilizando um cabo DVI ou HDMI-DVI.
MAGICINFO IN: Para usar o MagicInfo, certifique-se de que liga o cabo DP-DVI.
④ Liga-se a um MDC utilizando um adaptador RS232C.
⑤ Liga-se a um MDC utilizando um adaptador RS232C.
⑥ Recebe o som de um dispositivo de entrada através de um cabo de áudio.
⑦ Liga-se a um dispositivo de entrada utilizando um cabo HDMI ou HDMI-DVI.
⑧ Liga-se a um dispositivo de entrada utilizando um cabo HDMI ou HDMI-DVI.
Liga-se a outro produto através de um cabo HDMI.
⑨ Liga-se a um PC através de um cabo DP.
⑩ Liga-se a outro produto através de um cabo HDMI.
⑪ Ligue a um dispositivo de memória USB.
* As portas USB do produto aceitam até 0,5 A de corrente contínua.
Se o valor máximo for excedido, as portas USB podem não funcionar.
⑫ Emite som para um dispositivo de áudio através de um cabo de áudio.
⑬ Liga a um cabo IR externo que recebe sinais do telecomando.

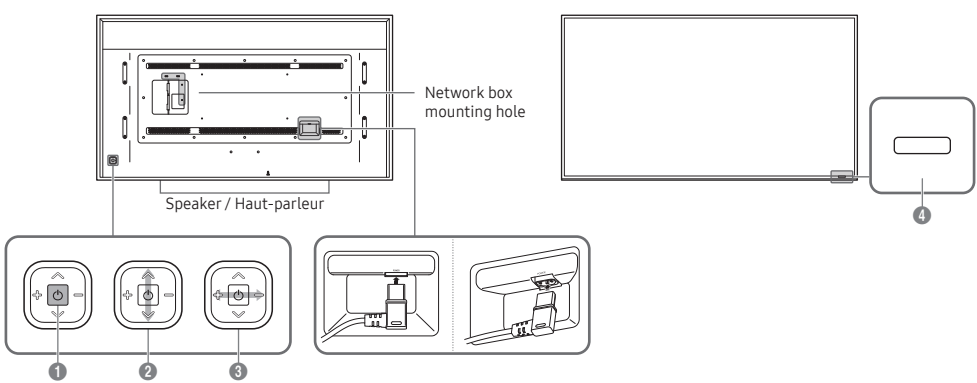
Tiếng Việt
① Kết nối với MDC bằng cáp LAN. (10/100 Mbps)
② Kết nối với thiết bị nhớ USB.
* Các cổng USB trên sản phẩm chấp nhận dòng điện một chiều tối đa là 1,0 A.
Nếu vượt quá giá trị tối đa, các cổng USB có thể không hoạt động.
③ DVI: Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp DVI hoặc cáp HDMI-DVI.
MAGICINFO IN: Để sử dụng MagicInfo, hãy đảm bảo kết nối cáp DP-DVI.
④ Kết nối với MDC bằng cách sử dụng bộ điều hợp RS232C.
⑤ Kết nối với MDC bằng cách sử dụng bộ điều hợp RS232C.
⑥ Nhận âm thanh từ thiết bị nguồn qua cáp âm thanh.
⑦ Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI.
⑧ Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI.
Kết nối với sản phẩm khác bằng cáp HDMI.
⑨ Kết nối với PC bằng cáp DP.
⑩ Kết nối với sản phẩm khác bằng cáp HDMI.
⑪ Kết nối với thiết bị nhớ USB.
* Các cổng USB trên sản phẩm chấp nhận dòng điện một chiều tối đa là 0,5 A.
Nếu vượt quá giá trị tối đa, các cổng USB có thể không hoạt động.
⑫ Đưa âm thanh ra thiết bị âm thanh qua cáp âm thanh.
⑬ Kết nối với cáp IR bên ngoài để nhận tín hiệu từ điều khiển từ xa.

繁體中文
① 使用 LAN 纜線連接至 MDC 。 (10/100 Mbps)
② 連接至 USB 記憶裝置。
* 本產品上的 USB 連接埠接受最大恆定電流 1.0A 。
若超過最大值，USB 連接埠可能無法運作。
③ DVI：使用 DVI 纜線或 HDMI-DVI 纜線連接至訊號源裝置。
MAGICINFO IN：若要使用 MagicInfo，請確保已連接 DP-DVI 纜線。
④ 使用 RS232C 轉接器連接至 MDC。
⑤ 使用 RS232C 轉接器連接至 MDC。
⑥ 透過音訊纜線從來源裝置接收聲音。
⑦ 使用 HDMI 纜線或 HDMI-DVI 纜線連接至訊號源裝置。
⑧ 使用 HDMI 纜線或 HDMI-DVI 纜線連接至訊號源裝置。
* 使用 HDMI 纜線連接至其他產品。
⑨ 使用 DP 纜線連接至電腦。
⑩ 使用 HDMI 纜線連接至其他產品。
⑪ 連接至 USB 記憶裝置。
* 本產品上的 USB 連接埠接受最大恆定電流 0.5A 。
若超過最大值，USB 連接埠可能無法運作。
⑫ 透過音訊纜線將聲音輸出到音訊裝置。
⑬ 連接至接收遙控器訊號的外部 IR 纜線。

العربية
① التوصيل بالمفد MDC باستخدام LAN. (10/100 ميجابت/ثانية)
② التوصيل بجهاز ذاكرة USB.
* قبل منافذ USB الموجودة بالمنتج تأراً ثابته تأيلاً يبلغ 1.0 أمبير بحد أقصى.
في حالة تجاوز أقصى قيمة، قد لا تعمل منافذ USB.
③ DVI: التوصيل بجهاز مصدر باستخدام كابل DVI أو كابل HDMI-DVI.
MAGICINFO IN: لاستخدام وظيفة MagicInfo، تأكد من توصيل كابل DP-DVI.
④ التوصيل ببرنامج MDC باستخدام محوّل RS232C.
⑤ التوصيل ببرنامج MDC باستخدام محوّل RS232C.
⑥ يستقبل الصوت من الجهاز المصدر بواسطة كبل صوت.
⑦ للتوصيل بجهاز مصدر باستخدام كابل HDMI أو كابل HDMI-DVI.
⑧ للتوصيل بجهاز مصدر باستخدام كابل HDMI أو كابل HDMI-DVI.
التوصيل بمنتج آخر باستخدام كبل HDMI.
⑨ التوصيل بالكمبيوتر باستخدام كبل DP.
⑩ التوصيل بمنتج آخر باستخدام كبل HDMI.
⑪ التوصيل بجهاز ذاكرة USB.
* قبل منافذ USB الموجودة بالمنتج تأراً ثابته تأيلاً يبلغ 0.5 أمبير بحد أقصى.
في حالة تجاوز أقصى قيمة، قد لا تعمل منافذ USB.
⑫ يقوم بإخراج الصوت إلى جهاز صوت عبر كبل صوت.
⑬ يتصل بكبل IR خارجي يستقبل إشارات من جهاز التحكم عن بعد.

Parts Pièces

QM85N



English

- ❶ Power on the product. If you press the  button when the product is turned on, the control menu will be displayed.
- ❷ Move to the upper or lower menu. You can also adjust the value of an option.
- ❸ Move to the left or right menu. You can also adjust the value of an option.
- ❹ Remote sensor: Press a button on the remote control pointing at the sensor on the front of the product to perform the corresponding function.

* Using other display devices in the same space as the remote control of this product can cause the other display devices to be inadvertently controlled.

Français

- ❶ Met l'appareil sous tension. Si vous appuyez sur le bouton  alors que l'appareil est allumé, le menu de commande s'affiche.
- ❷ Passez au menu supérieur ou au menu inférieur. Vous pouvez aussi ajuster la valeur d'une option.
- ❸ Passez au menu de gauche ou au menu de droite. Vous pouvez aussi ajuster la valeur d'une option.
- ❹ Capteur de la télécommande: Appuyez sur un bouton de la télécommande tout en pointant cette dernière vers le capteur situé à l'avant du produit pour exécuter la fonction correspondante.

* Si vous utilisez la télécommande de ce produit dans le même espace que d'autres périphériques d'affichage, il se peut que ces derniers soient commandés par mégarde.

Português

- ❶ Para ligar o produto. Se premir o botão  quando o produto está ligado, o menu de controlo será apresentado.
- ❷ Para deslocar para o menu superior ou inferior. Pode também ajustar o valor de uma opção.
- ❸ Para deslocar para o menu esquerdo ou direito. Pode também ajustar o valor de uma opção.
- ❹ Sensor do telecomando: Prima um botão do telecomando apontando para o sensor localizado na parte frontal do produto para executar a função correspondente.

* Se utilizar outros dispositivos de visualização no mesmo espaço do telecomando deste produto poderá vir a controlar estes outros dispositivos acidentalmente.

繁體中文

- ❶ 開啟產品的電源。在產品開啓時按  按鈕，將會顯示控制功能表。
- ❷ 移至上方或下方功能表。您也可以調整選項的值。
- ❸ 移至左方或右方功能表。您也可以調整選項的值。
- ❹ 遙控感測器：對著產品正面的感測器按下遙控器上的按鈕，執行相對應的功能。

* 在相同地點與本產品的遙控器一併使用其他顯示裝置，可能會導致其他顯示裝置發生未能如預期受控制。

Tiếng Việt

- ❶ Bật nguồn sản phẩm. Nếu bạn nhấn nút  khi sản phẩm đang bật, trình đơn điều khiển sẽ được hiển thị.
- ❷ Di chuyển tới trình đơn bên trên hoặc bên dưới. Bạn cũng có thể điều chỉnh giá trị của tùy chọn.
- ❸ Di chuyển tới trình đơn bên trái hoặc bên phải. Bạn cũng có thể điều chỉnh giá trị của tùy chọn.
- ❹ Cảm biến từ xa: Nhấn nút trên điều khiển từ xa trở vào cảm biến trên mặt trước của sản phẩm để thực hiện chức năng tương ứng.

* Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.

العربية
❶ تشغيل المنتج في حالة الضغط على الزر  عندما يكون المنتج قيد التشغيل، سيتم عرض قائمة التحكم.
❷ الانتقال إلى القائمة العلوية أو السفلية، كما يمكنك ضبط قيمة أحد الخيارات.
❸ الانتقال إلى القائمة اليمنى أو اليسرى، كما يمكنك ضبط قيمة أحد الخيارات.
❹ مستشعر وحدة التحكم عن بعد: اضغط على زر في جهاز التحكم عن بعد مع توجيهه إلى المستشعر الموجود بمقدمة المنتج لإجراء الوظيفة المطابقة.
* استخدام أجهزة العرض الأخرى في نفس مساحة وحدة التحكم عن بعد الخاصة بهذا المنتج قد يؤدي إلى التحكم في هذه الأجهزة دون قصد.

Troubleshooting Guide Guide de dépannage

English

Issues	Solutions
The screen keeps switching on and off.	Check that the cable between the product and the PC is connected correctly. Check that the product is connected correctly with a cable.
No Signal is displayed on the screen.	Check that the source device connected to the product is powered on. Depending on the type of external device, the screen may not display properly. In this case, connect it with the HDMI Hot Plug function turned On .
Not Optimum Mode is displayed.	This message is displayed when a signal from the graphics card exceeds the product's maximum resolution and frequency. Refer to the Standard Signal Mode Table and set the maximum resolution and frequency according to the product specifications.

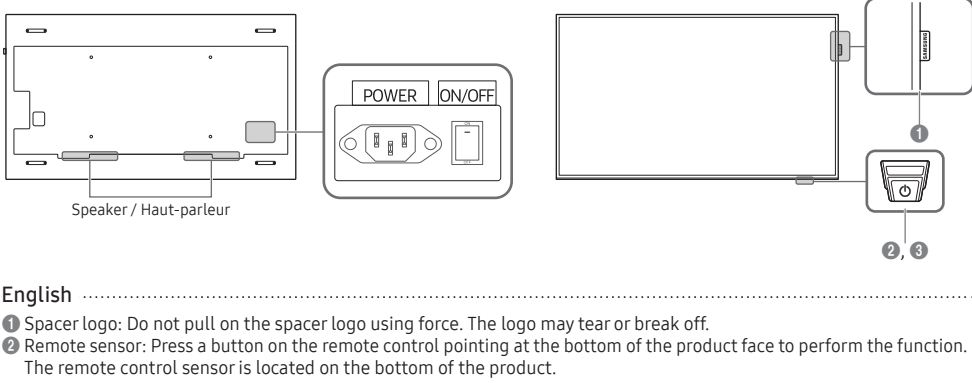
Français

Problèmes	Solutions
L'écran s'allume et s'éteint continuellement.	Vérifiez que le câble entre le produit et le PC est connecté correctement. Vérifiez que l'appareil est connecté correctement à l'aide d'un câble.
Aucun signal s'affiche à l'écran.	Assurez-vous que le périphérique source connecté au produit est sous tension. Selon le type de périphérique externe, l'écran peut ne pas s'afficher correctement. Dans ce cas, connectez-le avec la fonction Connexion HDMI mise sur Activé .
Mode non optimal est affiché.	Ce message s'affiche lorsqu'un signal émis par la carte graphique est supérieur à la fréquence et la résolution maximales de l'appareil. Consultez le tableau des modes de signal standard et réglez la fréquence et la résolution maximales conformément aux spécifications de l'appareil.

Português

Problemas	Soluções
O ecrã está continuamente a ligar e a desligar.	Verifique se o cabo entre o produto e o PC está ligado corretamente. Verifique se o produto está ligado corretamente com um cabo.
A mensagem Sem sinal é exibida no ecrã.	Verifique se o dispositivo fonte ligado ao produto está ligado. Consoante o tipo de dispositivo externo, o ecrã pode não ser apresentado corretamente. Neste caso, ligue-o com a função Lig.Instantânea HDMI definida como Ligado .
A mensagem Modo inadequado é exibida.	Esta mensagem é apresentada quando um sinal da placa gráfica ultrapassa a resolução e a frequência máximas do produto. Consulte a Tabela do modo de sinal padrão e defina a resolução e a frequência máximas de acordo com as especificações do produto.

QM98N



English

- ❶ Spacer logo: Do not pull on the spacer logo using force. The logo may tear or break off.
- ❷ Remote sensor: Press a button on the remote control pointing at the bottom of the product face to perform the function. The remote control sensor is located on the bottom of the product.

* Using other display devices in the same space as the remote control of this product can cause the other display devices to be inadvertently controlled.

Français

- ❶ Logo du dispositif d'espacement: Évitez de tirer avec force sur le logo du dispositif d'espacement. Vous risqueriez de l'arracher ou de le briser.
- ❷ Capteur de la télécommande: Appuyez sur un bouton de la télécommande tout en pointant la base de la face du produit pour exécuter la fonction. Le capteur de télécommande se trouve à la base du produit.

* Si vous utilisez la télécommande de ce produit dans le même espace que d'autres périphériques d'affichage, il se peut que ces derniers soient commandés par mégarde.

Português

- ❶ Logótipo do separador: Não puxe o logótipo do separador com força. Caso contrário, o logótipo poderá rasgar ou desprender-se.
- ❷ Sensor do telecomando: Prima um botão do telecomando apontando para a parte inferior da frente do produto para executar a função.

O sensor do telecomando está situado na parte inferior do produto.
* Se utilizar outros dispositivos de visualização no mesmo espaço do telecomando deste produto poderá vir a controlar estes outros dispositivos acidentalmente.

繁體中文

- ❶ 墊片標誌：請勿用力拉扯墊片標誌。標誌有可能撕裂或斷裂。
- ❷ 遙控感測：對著產品正面的底部按下遙控器上的按鈕，執行相應功能。遙控器感測器位於產品的底部。

* 在相同地點與本產品的遙控器一併使用其他顯示裝置，可能會導致其他顯示裝置發生未能如預期受控制。

Tiếng Việt

- ❶ Logo miếng đệm: Không dùng lực kéo miếng đệm logo. Logo có thể bong ra hoặc vỡ.
- ❷ Cảm biến từ xa: Nhấn nút trên điều khiển từ xa trở vào phía dưới của mặt trước sản phẩm để thực hiện chức năng. Cảm biến điều khiển từ xa nằm ở phía dưới của sản phẩm.

* Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.

العربية
❶ شعار الفباعد: لا تسحب شعار الفباعد بالقوة. قد يتمزق الشعار أو يتم قطعه.
❷ مستشعر وحدة التحكم عن بعد: اضغط على زر في جهاز التحكم عن بعد مع توجيهه إلى أسفل واجهة المنتج لإجراء الوظيفة.
❸ يقع مستشعر جهاز التحكم عن بعد في أسفل المنتج.
* استخدام أجهزة العرض الأخرى في نفس مساحة وحدة التحكم عن بعد الخاصة بهذا المنتج قد يؤدي إلى التحكم في هذه الأجهزة دون قصد.
❹ زر الطاقة

Nome do modelo	QM85N	QM98N
Painel	Tamanho Classe 85 (84,5 polegadas / 214,7 cm) Área de visualização 1872,0 mm (H) x 1053,0 mm (V)	Classe 98 (97,5 polegadas / 247,7 cm) 1218,848 mm (H) x 1214,352 mm (V)
Fonte de alimentação	AC100-240V~ 50/60Hz Consulte a etiqueta na parte posterior do produto pois a tensão padrão pode variar em países diferentes.	
Características ambientais	Funcionamento	Temperatura: 0 °C – 40 °C (32 °F - 104 °F) Humidade: 10% - 80%, sem condensação
	Armazenamento	Temperatura: -20 °C - 45 °C (-4 °F - 113 °F) Humidade: 5% - 95%, sem condensação

* Este é um produto de classe A. Num ambiente doméstico, este produto poderá provocar interferência radioelétrica. Caso tal aconteça, o utilizador poderá ter de tomar medidas adequadas.

* Para obter mais informações sobre as especificações do dispositivo, visite o website da Samsung Electronics.

Các vấn đề	Giải pháp
Màn hình liên tục bật và tắt.	Kiểm tra xem cáp giữa sản phẩm và PC có được kết nối chính xác không. Kiểm tra xem sản phẩm có kết nối đúng với cáp chưa.
No Signal được hiển thị trên màn hình.	Kiểm tra xem thiết bị nguồn kết nối với sản phẩm có bật không. Tùy vào loại thiết bị ngoại vi, có thể màn hình sẽ không hiển thị đúng cách. Trong trường hợp này, kết nối thiết bị với chức năng HDMI Hot Plug đang On .
Not Optimum Mode được hiển thị.	Thông báo được hiển thị khi một tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải và tần số tối đa. Tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn và cài đặt độ phân giải và tần số tối đa theo thông số sản phẩm.

繁體中文

問題	解決方案
螢幕不斷開啓和關閉。	檢查產品與電腦之間的纜線是否正確連接。 檢查產品是否已經使用纜線正確連接。
螢幕上顯示 無訊號 。	檢查連接至產品的來源裝置是否已經開啓電源。 根據外部裝置類型，螢幕可能無法正常顯示。在此情況下，請於 HDMI 熱插拔 功能為 開啓 時進行連接。
顯示 非最佳化模式 。	圖形卡所發出的訊號超過產品的最大解析度和頻率時，就會顯示此訊息。請參閱「標準訊號模式表」，並根據產品規格設定最大解析度與頻率。

* Este é um produto de classe A. Num ambiente doméstico, este produto poderá provocar interferência radioelétrica. Caso tal aconteça, o utilizador poderá ter de tomar medidas adequadas.

* Para obter mais informações sobre as especificações do dispositivo, visite o website da Samsung Electronics.

العربية	
يتم تشغيل الشاشة ثم إيقاف تشغيلها بشكل متكرر.	المشاكل
يتم عرض لا توجد إشارة على الشاشة.	تحقق من توصيل الكابيل بين المنتج والكمبيوتر الشخصي بشكل صحيح. تحقق من توصيل المنتج بشكل صحيح مع خلال كابل. تأكد من تشغيل الجهاز المصدر المتصل بالمنتج. وفقاً لنوع الجهاز الخارجي، قد لا يتم عرض الشاشة بشكل صحيح في هذه الحالة، قم بتوصيلها مع ضبط وظيفة موصول HDMI سريع على وضع التشغيل تشغيل.
يتم عرض ليس الوضع الأمثل.	يتم عرض هذه الرسالة عند تجاوز الإشارة الواردة من بطاقة الرسومات لأقصى دقة وتردد للمنتج. ارجع إلى "جدول الأوضاع القياسية للإشارات" واصبط أقصى دقة وتردد وفقاً لمواصفات المنتج.

DOLBY AUDIO™

HEVCAdvance™

English

Specifications

Model Name	QM85N		QM98N
Panel	Size	85 CLASS (84.5 inches / 214.7 cm)	98 CLASS (97.5 inches / 247.7 cm)
	Display area	1872.0 mm (H) x 1053.0 mm (V)	2158.848 mm (H) x 1214.352 mm (V)
Power Supply		AC100-240V~ 50/60Hz Refer to the label at the back of the product as the standard voltage can vary in different countries.	
Environmental considerations	Operating	Temperature: 0 °C – 40 °C (32 °F – 104 °F) Humidity: 10% – 80%, non-condensing	
	Storage	Temperature: -20 °C – 45 °C (-4 °F – 113 °F) Humidity: 5% – 95%, non-condensing	

* This is a class A product. In a domestic environment this product may cause radio interference in which case the user may be required to take adequate measures.

* For detailed device specifications, visit the Samsung Electronics website.

Français

Caractéristiques techniques

Nom du modèle	QM85N		QM98N
Panneau	Taille	Classe 85 (84,5 pouces / 214,7 cm)	Classe 98 (97,5 pouces / 247,7 cm)
	Surface d'affichage	1872,0 mm (H) x 1053,0 mm (V)	2158,848 mm (H) x 1214,352 mm (V)
Alimentation		AC100-240V~ 50/60Hz Reportez-vous à l'étiquette apposée au dos du produit, car la tension standard peut varier en fonction du pays.	
Considérations environnementales	Fonctionnement	Température: 0 °C – 40 °C (32 °F - 104 °F) Humidité: 10% à 80%, sans condensation	
	Stockage	Température: -20 °C - 45 °C (-4 °F - 113 °F) Humidité: 5% à 95%, sans condensation	

* Ce produit est de classe A. Dans un environnement domestique, ce produit peut provoquer des interférences radio, auquel cas l'utilisateur sera amené à prendre des mesures appropriées.

* Pour les spécifications détaillées de l'appareil, veuillez visiter le site Web de Samsung Electronics.

單元 Unit	限用物質及其化學符號 Restricted substances and its chemical symbols					
	鉛 Lead (Pb)	汞 Mercury (Hg)	鎘 Cadmium (Cd)	六價鉻 Hexavalent chromium (Cr ⁶⁺)	多溴聯苯 Polybrominated biphenyls (PBB)	多溴二苯醚 Polybrominated diphenyl ethers (PBDE)
電路板	–	0	0	0	0	0
外殼	–	0	0	0	0	0
金屬零件	–	0	0	0	0	0
玻璃面板	–	0	0	0	0	0
揚聲器	0	0	0	0	0	0
配件 (例：線材、 遙控器)	–	0	0	0	0	0

備考1. “0” 係指該項限用物質之百分比含量未超出百分比含量基準值。

Note 1: “0” indicates that the percentage content of the restricted substance does not exceed the percentage of reference value of presence.

備考2. “-” 係指該項限用物質為排除項目。

Note 2: The “-” indicates that the restricted substance corresponds to the exemption.

Português

Características técnicas

Nome do modelo	QM85N	QM98N
Painel	Tamanho Classe 85 (84,5 polegadas / 214,7 cm) Área de visualização 1872,0 mm (H) x 1053,0 mm (V)	Classe 98 (97,5 polegadas / 247,7 cm) 2158,848 mm (H) x 1214,352 mm (V)
Fonte de alimentação	AC100-240V~ 50/60Hz Consulte a etiqueta na parte posterior do produto pois a tensão padrão pode variar em países diferentes.	
Características ambientais	Funcionamento	Temperatura: 0 °C – 40 °C (32 °F - 104 °F) Humidade: 10% - 80%, sem condensação
	Armazenamento	Temperatura: -20 °C - 45 °C (-4 °F - 113 °F) Humidade: 5% - 95%, sem condensação

* Este é um produto de classe A. Num ambiente doméstico, este produto poderá provocar interferência radioelétrica. Caso tal aconteça, o utilizador poderá ter de tomar medidas adequadas.

* Para obter mais informações sobre as especificações do dispositivo, visite o website da Samsung Electronics.

Nome do modelo	QM85N	QM98N
Painel	Tamanho Classe 85 (84,5 inch / 214,7 cm) Vùng hiển thị 1872,0 mm (H) x 1053,0 mm (V)	Loại 98 (97,5 inch / 247,7 cm) 2158,848 mm (H) x 1214,352 mm (V)
Nguồn điện	AC100-240V~ 50/60Hz Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.	
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 0 °C – 40 °C (32 °F - 104 °F) Độ ẩm: 10% - 80%, không ngưng tụ
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20 °C - 45 °C (-4 °F - 113 °F) Độ ẩm: 5% - 95%, không ngưng tụ

* Đây là sản phẩm loại A. Ở môi trường trong nhà, sản phẩm này có thể gây nhiễu sóng radio, đòi hỏi người dùng phải thực hiện những biện pháp thích hợp.

* Để xem thông số kỹ thuật chi tiết của thiết bị, hãy truy cập trang web của Samsung Electronics.

Tiếng Việt

Các thông số kỹ thuật

Tên môđen	QM85N		QM98N
Màn hình	Kích thước	Loại 85 (84,5 inch / 214,7 cm)	Loại 98 (97,5 inch / 247,7 cm)
	Vùng hiển thị	1872,0 mm (H) x 1053,0 mm (V)	2158,848 mm (H) x 1214,352 mm (V)
Nguồn điện		AC100-240V~ 50/60Hz Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.	
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 0 °C – 40 °C (32 °F - 104 °F) Độ ẩm: 10% - 80%, không ngưng tụ	
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20 °C - 45 °C (-4 °F - 113 °F) Độ ẩm: 5% - 95%, không ngưng tụ	

* Đây là sản phẩm loại A. Ở môi trường trong nhà, sản phẩm này có thể gây nhiễu sóng radio, đòi hỏi người dùng phải thực hiện những biện pháp thích hợp.

* Để xem thông số kỹ thuật chi tiết của thiết bị, hãy truy cập trang web của Samsung Electronics.

繁體中文

規格

型號名稱	QM85N	QM98N
指定型號名稱	LJH5QMNE	LJH8QMNE
面板	大小 (需沿屏幕表面测量对角)	84.5 英寸 (214.7 公分)
	可視面積 (需沿屏幕表面测量)	1872.0 公釐 (水平) x 1053.0 公釐 (垂直)
電源		AC100-240V~ 50/60Hz 請參閱產品後方的標籤，不同國家地區的標準電壓不盡相同。
環境因素	工作	溫度: 0 ° C - 40 ° C (32 ° F - 104 ° F) 濕度: 10% - 80%，無冷凝
	存放	溫度: -20 ° C - 45 ° C (-4 ° F - 113 ° F) 濕度: 5% - 95%，無冷凝

* 警告使用者：此為甲類資訊技術設備，於居住環境中使用時，可能會造成射頻干擾，在此種情況下，使用者會被要求採取某些適當的對策。

* 如需詳細的裝置規格，請造訪三星電子網站。

* QM85N：耗電量（額定）：450 W
QM98N：耗電量（額定）：480 W

型號 (式型)	LJH5QMNE / LJH8QMNE
設備名稱	彩色顯示器
Equipment name	Type designation (Type)

單元 Unit	限用物質及其化學符號 Restricted substances and its chemical symbols					
	鉛 Lead (Pb)	汞 Mercury (Hg)	鎘 Cadmium (Cd)	六價鉻 Hexavalent chromium (Cr ⁶⁺)	多溴聯苯 Polybrominated biphenyls (PBB)	多溴二苯醚 Polybrominated diphenyl ethers (PBDE)
電路板	–	0	0	0	0	0
外殼	–	0	0	0	0	0
金屬零件	–	0	0	0	0	0
玻璃面板	–	0	0	0	0	0
揚聲器	0	0	0	0	0	0
配件 (例：線材、 遙控器)	–	0	0	0	0	0
備考1. “0” 係指該項限用物質之百分比含量未超出百分比含量基準值。						
Note 1: “0” indicates that the percentage content of the restricted substance does not exceed the percentage of reference value of presence.						
備考2. “-” 係指該項限用物質為排除項目。						
Note 2: The “-” indicates that the restricted substance corresponds to the exemption.						

العربية
❶ تشغيل المنتج في حالة الضغط على الزر  عندما يكون المنتج قيد التشغيل، سيتم عرض قائمة التحكم.
❷ الانتقال إلى القائمة العلوية أو السفلية، كما يمكنك ضبط قيمة أحد الخيارات.
❸ الانتقال إلى القائمة اليمنى أو اليسرى، كما يمكنك ضبط قيمة أحد الخيارات.
❹ مستشعر وحدة التحكم عن بعد: اضغط على زر في جهاز التحكم عن بعد مع توجيهه إلى المستشعر الموجود بمقدمة المنتج لإجراء الوظيفة المطابقة.
* استخدام أجهزة العرض الأخرى في نفس مساحة وحدة التحكم عن بعد الخاصة بهذا المنتج قد يؤدي إلى التحكم في هذه الأجهزة دون قصد.

المواصفات	QM85N	QM98N
لوحة	الحجم	85 الفئة (84.5 بوصة / 214.7 سم)
	منطقة العرض	1872.0 مم (افقي) × 1053.0 مم (رأسي)
مصدر إمداد الطاقة	AC100-240V~ 50/60Hz اطلع على الملصق الموجود بالجانب الخلفي من المنتج حيث قد تختلف الفولتية القياسية باختلاف الدول.	
	أثناء التشغيل	درجة الحرارة: 0 إلى 40 درجة مئوية (32 إلى 104 درجة فهرنهايت) الرطوبة: 10 ٪ -